TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đầu Khắc Dinh

Ông Nguyễn Trọng Thuý

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Văn Chuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đình T - sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn 3, xã H, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Lương Thị H sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Đình T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 21/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách, hai bên gia đình đã hoà giải,

động viên nhưng không khắc phục được. Năm 2016 chị H đi làm ăn tại Nhật Bản, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, do khoảng cách địa lý vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Đình Gia L – sinh ngày 18/5/2012. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Anh T nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024 của bà Lương Thị N (là mẹ đẻ chị Lương Thị H) trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà N thống như đơn khởi kiện của anh T trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn của anh T và chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng có mâu thuẫn gì thì bà không biết. Năm 2016 thì chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, lần gần nhất đi là tháng 08/2024 đến nay chưa về. Bà N có liên lạc với chị H nhưng địa chỉ làm việc và sinh sống của chị tại Nhật Bản như thế nào thì bà không biết. Nay anh T xin ly hôn chị H thì bà N đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Lê Đình Gia L sinh ngày 18/5/2012. Bà N đề nghị xem xét nguyện vọng của cháu Gia L hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và công nợ của anh T và chị H như thế nào bà không biết.

Các văn bản Tòa án giao cho chị H thì bà N nhận và sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị H biết nội dung.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lê Đình Gia L, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật HN & GĐ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Về hôn nhân: Anh Lê Đình T được ly hôn chị Lương Thị H. Giao cháu Lê Đình Gia L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải đóng góp nuôi con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Đình T và chị Lương Thị H là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh là thôn 3, xã H, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú hiện nay là Nhật Bản. Tại công văn số: 4902/XNC(T3) ngày 21/11/2024 của phòng quản lý XNC Công an tỉnh Thanh Hoá chị H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 19/09/2024, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024 đối với bà Lương Thị N (mẹ đẻ của chị Lương Thị H) xác nhận chị H đi lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về, vì vậy, có căn cứ xác định hiện nay chị H đang ở Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:* Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách. Từ năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản. Chị H có biết việc anh T làm đơn xin ly hôn nhưng cũng không thiết tha níu kéo. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HN & GĐ nên chấp nhận.

* *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình Gia L sinh ngày 18/5/2012. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Long không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con chung. Cháu Long cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét nguyện vọng nuôi con của anh T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Long. Việc anh không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật HNGĐ giao cháu Long cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Anh T nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật HN & GĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình T.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Đình T được ly hôn chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Lê Đình Gia L sinh ngày 18/5/2012. Giao cháu Long cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0000723 ngày 05/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (anh T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Hà